

BÁO CÁO
đánh giá công tác xây dựng chính quyền cơ sở năm 2022

I. Đặc điểm tình hình chung.

Xã Ia Kreng được thành lập theo Nghị định số 02/NĐ-CP ngày 19 tháng 01 năm 2009 của chính phủ và chính thức đi vào hoạt động kể từ ngày 17/3/2009. Xã có 3 làng đặc biệt khó khăn thuộc căn cứ cách mạng của huyện, diện tích của xã là 11,072ha, đường xá đi lại khó khăn. Dân số 2.008 /564 hộ ; Dân tộc kinh 25 hộ = 52 nhân khẩu; dân tộc thiểu số 5376hộ = 1956 nhân khẩu.

Theo phân loại đơn vị hành chính xã Ia Kreng là xã loại II, xã có 19 cán bộ, công chức, không tính Trưởng công an chính quy theo Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính Phủ (*Đều đã đạt chuẩn theo tiêu chí số 18 của Bộ tiêu chí về xây dựng nông thôn mới*). Việc sắp xếp, bố trí cán bộ của xã Ia Kreng theo Nghị định 34/2019/NĐ - CP ngày 24/4/2019 của Chính Phủ và Thông tư số 13/2019/TT – BNV ngày 6/11/2019 của Bộ Nội vụ đảm bảo theo quy định.

II. Về công tác lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành.

1. Những văn bản, biên bản liên quan của cấp ủy chính quyền cấp xã và người đứng đầu ban hành trong việc chỉ đạo, điều hành quy chế làm việc, quyết định phân công nhiệm vụ, phân công kiêm nhiệm.

Căn cứ Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật tổ chức chính quyền địa phương năm 2019.

Từ đầu nhiệm kỳ 2021-2026, sau khi kết thúc cuộc bầu Đại biểu Quốc hội và HĐND các cấp nhiệm kỳ 2021-2026. Ủy ban nhân dân xã đã chủ động xây Quy chế làm việc của UBND xã nhiệm kỳ 2021-2026, phân công nhiệm vụ của Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân xã cụ thể:

Ủy ban nhân dân xã Ia Kreng đã ban hành Quyết định số 34/QĐ-UBND ngày 18/7/2021 Ban hành Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã, nhiệm kỳ 2021 – 2026; Quyết định số 47/QĐ-UBND Về việc ban hành chế độ hội họp, báo cáo của UBND xã Ia Kreng nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định Về việc phân công nhiệm vụ Chủ tịch, Phó chủ tịch và các Ủy viên Ủy ban nhân dân xã Ia Kreng nhiệm kỳ 2021-2026; Quyết định số 9 /QĐ - UBND ngày 01/4/2022 về việc phân công nhiệm vụ của công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân xã.

2. Đánh giá mối quan hệ phối hợp giữa cấp ủy với chính quyền, giữa Thường trực Hội đồng nhân dân với Ủy ban nhân dân, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức chính trị xã hội cùng cấp; mối quan hệ giữa Ủy ban nhân dân cấp xã với Trưởng thôn, Tổ trưởng Tổ dân phố.

Mối quan hệ giữa Ủy ban nhân dân xã với Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể trong thực hiện các nhiệm vụ công tác là quan hệ phối hợp để chăm lo đời sống và bảo vệ lợi ích của nhân dân; tạo điều kiện cho các tổ chức này hoạt động có hiệu

quả; định kì 6 tháng 1 lần hoặc khi thấy cần thiết thông báo về tình hình phát triển kinh tế - xã hội địa phương và các hoạt động của Ủy ban nhân dân cho các tổ chức này biết để phối hợp, vận động, tổ chức các tầng lớp nhân dân chấp hành đúng đường lối chính sách, pháp luật và thực hiện tốt nghĩa vụ công dân đối với Nhà nước. Quan hệ công tác giữa Ủy ban nhân dân xã và Mặt trận tổ quốc và các đoàn thể thực hiện theo đúng Điều 15 của Luật tổ chức Chính quyền địa phương năm 2015.

Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã phân công các Ủy viên, thành viên Ủy ban nhân dân phụ trách, nắm bắt tình hình các thôn, làng. Hàng tháng các thành viên Ủy ban nhân dân làm việc với Trưởng thôn, già làng và người uy tín, phân công phụ trách hoặc trực tiếp làm việc với thôn, làng để nghe phản ánh tình hình, kiến nghị và giải quyết các khiếu nại của nhân dân theo quy định của pháp luật đồng thời báo cáo để Chủ tịch Ủy ban nắm bắt và có biện pháp chỉ đạo.

3. Việc tổ chức thực hiện quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân xã trong nhiệm kỳ 2021 - 2026; ban hành quy định về quản lý và sử dụng người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Thực hiện quy chế làm việc của xã nhiệm kỳ 2021 – 2026, UBND xã tổ chức giao ban khối UB vào ngày 22 hàng tháng nhằm đánh giá kết quả thực hiện trong tháng và đề ra phương hướng nhiệm vụ tháng tiếp theo.

Việc thực hiện Quyết định phân công nhiệm vụ cho công chức: Căn cứ Nghị định số 34/2019/NĐ-CP ngày 24/4/2019 của Chính phủ (gọi tắt là Nghị định 34); Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Nghị Quyết số 136/NQ - HĐND ngày 25/02/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định về chức danh, bố trí số lượng người, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố và khoản kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai; Công văn 471/SNV – XDCQ ngày 29/3/2021 về việc hướng dẫn triển khai thực hiện Nghị quyết số 136/2021/ NQ – HĐND của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai.

III. Đánh giá về công tác quản lý, sử dụng đội ngũ cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

1. Về cơ cấu, bố trí số lượng cán bộ, công chức cấp xã theo quy định.

- Thống kê số lượng, chất lượng (*nêu rõ số lượng, chất lượng cán bộ, công chức, số đạt chuẩn, chưa đạt chuẩn*).

- Số lượng: Tổng số cán bộ, công chức xã Ia Krong có 19 người. Trong đó 10 cán bộ chuyên trách, 9 công chức (*không tính công an chính quy bố trí làm Trưởng công an*).

Căn cứ Thông tư số 13/2019/TT - BNV ngày 6/11/2019 của Bộ Nội vụ Ủy ban nhân dân xã Ia krong đã tổ chức họp phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng công chức để đảm bảo nhiệm vụ và ban hành Quyết định số 09/QĐ - UBND ngày 01/4/2022 về việc phân công nhiệm vụ của công chức làm việc tại Ủy ban nhân dân xã.

- Chuyên môn:

+ Cán bộ: 06 trình độ Đại học (Bí thư Đảng ủy – CT. HĐND, CT. UBND, PCT. UBND, PCT-HĐND; CTHPN; PBT Đảng ủy) 03 trình độ Trung cấp BTĐTN; CTUBMT; CTHND; 01 chưa qua đào tạo (CT Hội CCB).

+ Công chức: 05 trình độ Đại học (Địa chính – Nông nghiệp, Địa chính – Xây dựng, 01 Văn hóa – Xã hội, Tư pháp – Hộ tịch; Kế toán); 01 cao đẳng (Văn phòng thông kê) 03 trình độ Trung cấp (VP – TK, CHT Ban CHQS, VH-XH).

- Đánh giá việc bố trí cán bộ, công chức cấp xã được phân công kiêm nhiệm, kể cả người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố.

Việc bố trí cán bộ, công chức cấp xã được phân công kiêm nhiệm, kể cả người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, làng đảm bảo theo Thông tư số 13/2019/TT-BNV ngày 06/11/2019 hướng dẫn một số quy định về cán bộ, công chức cấp xã và người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và Nghị quyết số 136/NQ – HĐND ngày 25/02/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai.

2. Việc bố trí người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố và người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố.

- Số lượng được giao theo quy định; số lượng hiện đang bố trí theo các chức danh người hoạt động không chuyên trách ở xã, ở thôn, tổ dân phố quy định có phù hợp với tình hình của địa phương; khó khăn, vướng mắc (nếu có).

Thực hiện theo Nghị quyết 136/2021/NQ-HĐND ngày 25/02/2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Gia Lai về việc quy định chức danh, bố trí số lượng người, chế độ, chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị, xã hội ở cấp xã trên địa bàn tỉnh Gia Lai. Ủy ban nhân dân xã Ia Krenng bố trí:

- Các chức danh những người hoạt động không chuyên trách ở xã có 10 chức danh gồm: Phó chủ tịch UBMTQ; PCT. Hội phụ nữ; PCT. Hội nông dân; PCT. Hội CCB; Phó Bí thư ĐTN; CT. Hội chữ thập đỏ; CT. Hội NCT; Văn phòng Đảng ủy; Thú y; Bảo vệ

- Các chức danh kiêm nhiệm gồm có 02 chức danh: Tuyên giáo - Dân vận (Đ/c Bí Thư kiêm nhiệm); Ủy ban kiểm tra đảng (đ/c Phó bí thư kiêm nhiệm).

- Người hoạt động không chuyên trách ở thôn, làng 12 người, trong đó: Bí thư chi bộ: 03 người (PCT UBND kiêm Bí thư chi bộ làng Doch 2; Trưởng thôn: 03 người (Bí thư chi bộ làng Doch 1; Làng Díp kiêm Thôn trưởng,; Công an viên: 3 người; Trưởng Ban công tác Mặt trận: 3 người

- Các chức danh khác ở thôn, làng 18 người: Phó Bí thư chi bộ: 3 người; Phó Trưởng thôn: 3 người; Chi hội trưởng Hội Phụ nữ: 3 người; Chi hội trưởng Hội Nông dân: 3 người; Chi hội trưởng Hội CCB: 3 người; Bí thư Chi đoàn thanh niên: 3 người.

3. Thực hiện các chế độ, chính sách.

Việc thực hiện chi trả chế độ kiêm nhiệm đối với cán bộ, công chức cấp xã; người hoạt động không chuyên trách ở cấp xã, ở thôn, tổ dân phố; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố và khoán kinh phí hoạt động đối với các tổ chức chính trị - xã hội ở cấp xã được hiện theo Nghị quyết số 136/NQ – HĐND, ngày 25/02/2021 của HĐND tỉnh Gia Lai.

- Việc thực hiện chuyển xếp lương đối với cán bộ, công chức cấp xã.

Năm 2022, UBND xã làm thủ tục gửi Phòng Nội vụ về việc chuyển xếp lương cho cán bộ Bí thư Đoàn Thanh niên xã.

4. Đánh giá công tác theo dõi hồ sơ, bản đồ và mốc địa giới hành chính các cấp; công tác bàn giao hồ sơ, bản đồ địa giới hành chính sau khi thay đổi người theo dõi quản lý (nếu có).

Theo Quyết định số 26/2013/QĐ – UBND ngày 06/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai.

Ủy ban nhân dân xã thực hiện việc quản lý, lưu trữ hồ sơ, bản đồ xã và mốc địa giới hành chính theo Quyết định số 26/2013/QĐ – UBND ngày 06/9/2013 của Ủy ban nhân dân tỉnh Gia Lai. Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã giao cho công chức Địa chính - Xây dựng quản lý, lưu trữ hồ sơ địa giới hành chính.

IV. Đánh giá kết quả đạt được.

Trong thời gian qua UBND đã chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc quy chế làm việc, nâng cao năng lực lãnh đạo, điều hành; đẩy mạnh công tác cải cách hành chính; luôn quan tâm việc cử đi đào tạo, bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ bồi dưỡng về lý luận chính trị, bồi dưỡng chức danh, bồi dưỡng tin học cho cán bộ, công chức và người hoạt động không chuyên trách. Việc phân công nhiệm vụ cho công chức được thực hiện theo đúng quy định. Công chức chuyên môn đã tham mưu kịp thời các nhiệm vụ được phân công và thực hiện hiện đảm bảo các nhiệm vụ khác do UBND xã giao.

Việc bố trí số lượng, kiêm nhiệm, chế độ; người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, làng, tổ dân phố theo Nghị quyết số 136/NQ-HĐND, ngày 25/02/2021 của HĐND tỉnh tại xã Ia Krenng được thực hiện đảm bảo số lượng. Chi trả kịp thời về chế độ chính sách đối với người hoạt động không chuyên trách xã, ở thôn, làng.

Trên đây là báo cáo phục vụ đoàn kiểm tra công tác xây dựng chính quyền cơ sở năm 2022 của UBND xã Ia Krenng./.

Nơi nhận:

- Phòng Nội vụ;
- Lưu VP.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**



Rơ Châm Tâm

BÁO CÁO SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG CÁN BỘ, CÔNG CHỨC CẤP XÃ THEO ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

(Số liệu tính đến ngày 15/7/2022)

(Kèm theo báo cáo số 28/14 ngày 17/2022 của UBND...)

A	B	Tổng số		Trong đó		Học vấn phổ thông		Chuyên môn, nghiệp vụ		Trình độ đào tạo chia theo		Chia theo độ tuổi																																	
		Nữ	Đảng viên	DTTS	Nữ DTTS	Tôn giáo	Nữ DTTS là đảng viên	Tiểu học	Trung học cơ sở	Trung học phổ thông	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Trên đại học	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp lý luận chính trị	Cử nhân	Chứng chỉ A hoặc tương đương trở lên	Trung cấp trở lên	Chứng chỉ A hoặc tương đương trở lên	Trung cấp	Đại học trở lên	Chứng chỉ tiếng dân tộc	QLNN cho cán bộ, chính quyền cấp xã	Chưa qua đào tạo	Sơ cấp	Trung cấp	Chuyên viên hoặc tương đương	Chuyên viên chính hoặc tương đương	Từ 30 trở xuống	Từ 31 đến 40	Từ 41 đến 50	Từ 51 đến 55	Từ 56 đến 60	Trên 60	Luân chuyển từ cấp huyện	Biệt phái từ cấp huyện	Tăng cường từ cấp huyện	Điều động từ cấp huyện		
		1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	37	38	39	40	41	42	43	
La Kreng	Cán bộ	10	1	9	8	1	0	1		1	9		3	3	6		2	1	6	1		8		8		8		2	7				2	1	6	2	1					1			
	Công chức	9	3	8	3	0	0	0		9			3	1	5			3	6			9		9					9					7	2										
	TỔNG CỘNG	19	4	17	11	1	0	1	0	1	18	0	0	6	1	11	0	2	4	12	1	0	17	0	17	0	0	2	16	0	0	0	2	0	1	13	4	1	0	0	0	0	0	0	0

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Thanh Xuân

THỐNG KÊ SỐ LƯỢNG, CHẤT LƯỢNG NHỮNG NGƯỜI HOẠT ĐỘNG KHÔNG CHUYÊN NGHIỆP TRÁCH CẤP XÃ

(Số liệu tính đến ngày 15/7/2022)

(Kèm theo báo cáo số 28/ ngày 14/7/2022 của UBND...)

TT	CHỨC DANH	Số lượng	Kiểm nhiệm hoặc do chức danh khác kiểm nhiệm			Đảng viên	Giới tính		Dân tộc			Tôn giáo		Độ tuổi							Thâm niên giữ chức danh hiện tại			Nguồn cán bộ		
			Cán bộ	Công chức	Khác		Nam	Nữ	Kinh	Các Dân tộc khác	Có	Không	Dưới 30	31-40	41-50	51-55	55-60	Trên 60	Dưới 5 năm	5 - 10	>10 năm	Tại chỗ	Hưu trí	Mất sức	Khác	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25		
I	Xã, phường, thị trấn																									
1	Phó chủ tịch UBND TTQ	1	1			1	1			1	X		1	1					1			1				
2	Phó Chủ tịch Hội Cựu chiến binh	1	1			1	1			1	X		1	1					1			1				
3	Phó Chủ tịch Hội LHPN	1	1			1	1			1	X		1	1					1			1				
4	Phó Chủ tịch Hội Nông dân	1	1			1	1			1	X		1	1					1			1				
5	Phó Bí thư Đoàn TNCSHCM	1	1			1	1			1	X		1	1					1			1				
6	Chủ tịch Hội chữ thập đỏ	1		1			1			1	X				1							1				
7	Chủ tịch Hội người cao tuổi	1	1			1	1			1	X		1	1					1			1				
8	Văn phòng Đảng ủy	1	1			1	1			1	X		1	1					1			1				
9	Phó Chi huy Trưởng Quân sự																									
10	Kiểm tra- Tổ chức (Phó chủ nhiệm UBKT- Tổ chức)	1	1			1	1			1	X		1	1								1				
11	Tuyên giáo- Dân vận	1	1			1	1			1	X		1	1								1				
12	Chủ nhiệm TT VH- TT (Quản lý VH TT)																									
13	Dân tộc - Tôn giáo	1	1			1	1			1	X		1	1												
14	Thủ y - Chăn nuôi	1	1			1	1			1	X		1	1												
15	Bảo vệ	1				1	1			1	X		1	1												
II	Thôn, tổ dân phố																									
1	Bí thư chi bộ thôn	3	1			2	3			1	X		2	1								2		1		
2	Trưởng thôn hoặc Tổ trưởng dân phố	3				2	3			3	X		2	1					2			2				
3	Trưởng ban công tác mặt trận									1	X		1	1												
III	Người trực tiếp tham gia công việc ở thôn, tổ dân phố																									
1	Phó bí thư Chi bộ	2				2	2			2	X		2	2								2				
2	Phó Trưởng thôn hoặc phó Tổ trưởng dân phố	3				2	3			3	X		2	2								2				
3	Chi hội trưởng Hội CCB	3				3	3			3	X		1	2								3				
4	Chi hội trưởng Hội PNVN	3		0		3	3			3	X		2	1								3				

TT	CHỨC DANH	Số lượng	Kiểm nhiệm hoặc do chức danh khác kiểm nhiệm			Đảng viên	Giới tính		Dân tộc		Tôn giáo		Độ tuổi							Thâm niên giữ chức danh hiện tại			Nguồn cán bộ		
			Cán bộ	Công chức	Khác		Nam	Nữ	Kinh	Các Dân tộc khác	Có	Không	Dưới 30	31-40	41-50	51-55	55-60	Trên 60	Dưới 5 năm	5 - 10	>10 năm	Tại chỗ	Hưu trí	Mất sức	Khác
1		3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	
5	Chi hội trưởng Hội NĐ	3			3		3			3		X										3			
6	Bí thư chi đoàn thanh niên	3			3		3			3		X		3								3			
7	Công an viên	3			3		3			3		X	2									3			
TỔNG CỘNG (I+II+III)		39	12	1	25	14	32	7	2	35	0	0	8	22	4	2	0	1	5	9	0	34	0	1	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

W. CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH



Phạm Thanh Xuân

TT	Chức danh	Số lượng	Trình độ																					
			Văn hóa					Chuyên môn					Lý luận chính trị					Tham gia cấp ủy, HĐND			Đã qua bồi dưỡng			
			Tiểu học	THCS	THPT	Chưa qua ĐT	Sơ cấp	Trung cấp	Cao đẳng	Đại học	Sau đại học	Chưa qua ĐT	Sơ cấp	Trung cấp	Cao cấp	Cử nhân (nếu có)	ĐU, chi ủy cấp xã	Chi ủy thôn tổ dân phố	HĐND Cấp xã	Tổng mức phụ cấp chi trả/tháng	Tiếng dân tộc	An ninh - Quốc phòng	Kiến thức ĐB HĐND	
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	
4	Chi hội trưởng Hội PNVN	3		3																				
5	Chi hội trưởng Hội ND	3		3																				
6	Bí thư chi đoàn thanh niên	3		3																				
7	Công an viên	3		3																				
TỔNG CỘNG (I+II+III)		42	0	33	7	1	2	4	1	1	0	0	1	3	0	0	1	1	0	0	0	21	1	

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

W. CHỦ TỊCH

PHẠM THANH XUÂN CHỦ TỊCH



Phạm Thanh Xuân

BÁO CÁO DANH SÁCH NGƯỜI TRỰC TIẾP THAM GIA CÔNG VIỆC Ở THÔN, LÃNG, TÒ DÂN PHỐ

(Có mặt đến ngày 7 tháng 7 năm 2022)

TT	Họ và tên	Năm sinh		Dân tộc	Tôn giáo	Đảng viên	Chức vụ hoặc chức danh	Thâm niên vào cơ quan	Kiêm nhiệm	Trình độ học vấn			Trình độ đào tạo, bồi dưỡng																							
		Nam	Nữ							Tiểu học	THCS	THPT	Chuyên môn				Lý luận chính trị			n lý Nhà			Tin học	Ngoại ngữ												
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28	29	30	31	32	33	34	35	36	
	Rơ Châm Thoan	1986		Jrai	Không	x	Phó bí thư Chi bộ		10					x			x																			
1	Rơ Châm Hoh	1978		Jrai	Không	x	Phó bí thư Chi bộ																													
3	Rơ Châm Oan			Jrai	Không		Phó Trưởng thôn làng Doch 2					x																								
5	Siu a yang			Jrai	Không		Phó Trưởng thôn làng Doch 1					x																								
6	Rơ Châm Kut			Jrai	Không		Phó Trưởng thôn làng Dip					x																								
7	Rơ Châm Huyk	1989		Jrai	Không		Chi Hội trưởng Hội CCB làng Dóch1					x																								
	Rơ Châm Sít	1995		Jrai	Không		Chi Hội trưởng Hội CCB làng Dóch2					x																								
	Rơ Châm Nguỵ	1993		Jrai	Không		Chi Hội trưởng Hội CCB làng Díp					x																								
	Siu Hring		1989	Jrai	Không		Chi hội trưởng Phụ nữ làng Doch2					x																								
	Siu Blut		1985	Jrai	Không		Chi hội trưởng Phụ nữ làng Díp					x																								
	Rơ Châm Bih		1985	Jrai	Không		Chi hội trưởng Phụ nữ làng Doch1					x																								
	Siu Dik	#####		Jrai	Không		Chi hội trưởng Hội Nông dân Doch1					x																								
	Siu Gim			Jrai	Không		Hội Nông dân Doch2					x																								

